

THÔNG TIN TUYỂN SINH ĐẠI HỌC NĂM 2025
(Hình thức đào tạo: chính quy)

I. THÔNG TIN CHUNG

1. Tên cơ sở đào tạo: Trường Đại học Hùng Vương TP. Hồ Chí Minh
2. Mã cơ sở đào tạo trong tuyển sinh: DHV
3. Địa chỉ các trụ sở (trụ sở chính, trụ sở cùng tỉnh/TP trực thuộc Trung ương và phân hiệu):
 - Trụ sở chính: Số 736 Nguyễn Trãi, Phường 11, Quận 5, TP. Hồ Chí Minh.
 - Cơ sở 1: 37 Kinh Dương Vương, Phường 12, Quận 6, TP. Hồ Chí Minh.
 - Cơ sở 3: Lô 46 Công viên Phần mềm Quang Trung, Quận 12, TP. HCM.
 - Cơ sở 4: Dự án KCN Tân Phú Trung, Huyện Củ Chi, TP. Hồ Chí Minh.
4. Địa chỉ trang thông tin điện tử: www.dhv.edu.vn
Các trang mạng xã hội của cơ sở đào tạo (có thông tin tuyển sinh):
 - Trang tuyển sinh chính thức: tuyensinh.dhv.edu.vn
 - Facebook Fanpage: <https://www.facebook.com/hungvuonguni>
 - Zalo OA: <https://zalo.me/1822829687649866202>
 - Kênh Youtube: <https://www.youtube.com/channel/UCI9fsIj7JlikIP8jZr79bPw>
5. Số điện thoại liên hệ tuyển sinh: 02871 000 888 – 0888 158 001
6. Địa chỉ công khai quy chế tuyển sinh; đề án: tuyensinh.dhv.edu.vn
7. Địa chỉ công khai các thông tin về hoạt động của cơ sở đào tạo (chương trình đào tạo; ngành đào tạo; đội ngũ giảng viên, cán bộ quản lý; cơ sở vật chất; quy mô đào tạo; tỷ lệ sinh viên có việc làm; kế hoạch tuyển sinh các ngành, hình thức, trình độ đào tạo ngành...): www.dhv.edu.vn

II. TUYỂN SINH ĐÀO TẠO ĐẠI HỌC

1. Đối tượng, điều kiện dự tuyển:

1.1 Đối tượng dự tuyển:

- Người đã được công nhận tốt nghiệp trung học phổ thông (THPT) của Việt Nam hoặc có bằng tốt nghiệp của nước ngoài được công nhận trình độ tương đương.
- Người đã có bằng tốt nghiệp trung cấp ngành nghề thuộc cùng nhóm ngành dự tuyển và đã hoàn thành đủ yêu cầu khối lượng kiến thức văn hóa cấp THPT theo quy định của pháp luật.

1.2 Điều kiện dự tuyển:

- Đạt ngưỡng đầu vào theo quy định.
- Có đủ sức khỏe để học tập theo quy định hiện hành.
- Có đủ thông tin cá nhân, hồ sơ dự tuyển theo quy định.

1.3 Phạm vi tuyển sinh: Cả nước

2. Mô tả phương thức tuyển sinh: Trường Đại học Hùng Vương TP. Hồ Chí Minh xét tuyển theo một trong ba phương thức:

(1) Phương thức 1: Xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025 (mã phương thức 100)

(2) Phương thức 2: Xét kết quả học tập cấp THPT (mã phương thức 200): xét điểm trung bình cả năm lớp 12¹

(3) Phương thức 3: Xét tuyển dựa vào kết quả thi đánh giá năng lực của ĐHQG – TP.HCM năm 2025 (mã phương thức 402)

3. Quy tắc quy đổi tương đương ngưỡng đầu vào và điểm trúng tuyển giữa các tổ hợp, phương thức tuyển sinh:

3.1 Quy tắc quy đổi tương đương:

Nhà trường công bố quy tắc quy đổi điểm tương đương sau khi có kết quả kỳ thi tốt nghiệp trung học phổ thông năm 2025 theo hướng dẫn thống nhất của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

3.2 Ngưỡng đầu vào dự kiến

3.2.1 Đối với ngành Luật và Luật kinh tế²:

– Đối với xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025: 18 điểm (trong đó điểm môn Toán và Ngữ văn, hoặc Toán, hoặc Ngữ văn trong tổ hợp đạt tối thiểu 6 điểm).

– Đối với xét kết quả học tập cấp THPT (chưa cộng điểm ưu tiên, chưa cộng điểm thành tích nổi bật): 18 điểm (trong đó điểm môn Toán và Ngữ văn đạt tối thiểu 6 điểm).

– Đối với xét tuyển dựa vào kết quả thi đánh giá năng lực của ĐHQG – TP.HCM năm 2025: 600 điểm và điểm kết quả học tập lớp 12 cấp THPT môn Toán và Ngữ văn đạt tối thiểu 6 điểm.

3.2.2 Đối với các ngành còn lại

– Đối với xét kết quả thi tốt nghiệp THPT năm 2025: 15 điểm.

– Đối với xét kết quả học tập cấp THPT (chưa cộng điểm ưu tiên, chưa cộng điểm thành tích nổi bật): 15 điểm.

– Đối với xét tuyển dựa vào kết quả thi đánh giá năng lực của ĐHQG – TP.HCM năm 2025: 600 điểm

3.3 Điểm trúng tuyển

– Điểm xét tuyển, điểm trúng tuyển của tất cả các phương thức đều được quy đổi tương đương về một thang điểm chung là 30 điểm. Điểm cao nhất là 30 điểm.

– Điểm trúng tuyển được xác định thống nhất chung đối với từng ngành không phân biệt phương thức xét tuyển hoặc tổ hợp môn xét tuyển trên cơ sở quy đổi điểm tương đương.

¹ Đối với thí sinh học theo chương trình THPT 2018 tốt nghiệp năm 2025: Điểm trung bình lớp 12 là điểm trung bình cộng của tất cả các môn học được đánh giá bằng điểm số của cả năm lớp 12

² Quyết định 678/QĐ-BGDĐT ngày 14/03/2025

– Việc sử dụng ưu tiên khu vực, đối tượng để xét tuyển được quy đổi thực hiện theo quy chế tuyển sinh hiện hành của Bộ Giáo dục và Đào tạo.

4. Chỉ tiêu tuyển sinh

TT	Mã xét tuyển (Mã ngành)	Tên ngành (Tên chương trình) xét tuyển	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh (Mã tổ hợp môn)
1	7220201	Ngôn ngữ Anh gồm 02 chuyên ngành: Tiếng Anh thương mại; Giảng dạy tiếng Anh.	220	- Phương thức 1 (D01, A01, X78, X25, D14, D09) - Phương thức 2 - Phương thức 3
2	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc gồm 03 chuyên ngành: Tiếng Trung hành chính văn phòng; Tiếng Trung Văn hóa – Du lịch; Giảng dạy tiếng Trung	220	- Phương thức 1: (D01, A01, C04, X78, C03, C00, D04, D14) - Phương thức 2 - Phương thức 3
3	7220209	Ngôn ngữ Nhật gồm 02 chuyên ngành: Tiếng Nhật thương mại; Ngôn ngữ - Văn hóa Nhật Bản	50	- Phương thức 1: D01, A01, C04, X78, C03, C00, D06, D14 - Phương thức 2 - Phương thức 3
4	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc gồm 02 chuyên ngành: Tiếng Hàn thương mại; Giảng dạy tiếng Hàn	45	- Phương thức 1: D01, A01, C04, X78, C03, C00, DD2, D14 - Phương thức 2 - Phương thức 3
5	7310106	Kinh tế quốc tế gồm 02 chuyên ngành: Kinh doanh quốc tế; Kinh tế số	30	- Phương thức 1: D01, A01, C04, X78, C03, X01, C00 - Phương thức 2 - Phương thức 3
6	7310401	Tâm lý học gồm 04 chuyên ngành: Tâm lý học học đường; Tâm lý học lâm sàng; Tâm lý học tội phạm; Ứng dụng trí tuệ nhân tạo chăm sóc sức khỏe tinh thần	45	- Phương thức 1: D01, A01, C04, X78, C03, X01, C00 - Phương thức 2 - Phương thức 3
7	7340101	Quản trị kinh doanh gồm 04 chuyên ngành: Quản trị kinh doanh tổng hợp; Quản trị nguồn nhân lực; Quản trị công nghệ và đổi mới sáng tạo; Khởi nghiệp và Phát triển bền vững	200	- Phương thức 1: D01, A01, C04, X78, C03, X01, C00 - Phương thức 2 - Phương thức 3
8	7340115	Marketing gồm 03 chuyên ngành: Marketing; Digital Marketing; Truyền thông và Quan hệ công chúng	200	- Phương thức 1: D01, A01, C04, X78, C03, X01, C00 - Phương thức 2

TT	Mã xét tuyển (Mã ngành)	Tên ngành (Tên chương trình) xét tuyển	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh (Mã tổ hợp môn)
				- Phương thức 3
9	7340122	Thương mại điện tử gồm 03 chuyên ngành: Quản trị Thương mại điện tử; Kinh doanh số; Phân tích dữ liệu kinh doanh	100	- Phương thức 1: D01, A01, C04, X78, C03, X01, C00 - Phương thức 2 - Phương thức 3
10	7340201	Tài chính - Ngân hàng gồm 02 chuyên ngành: Ngân hàng số; Tài chính doanh nghiệp	200	- Phương thức 1: D01, A01, C04, X78, C03, X01, C00 - Phương thức 2 - Phương thức 3
11	7340205	Công nghệ tài chính gồm 03 chuyên ngành: Công nghệ tài chính; Khai phá dữ liệu tài chính; Phát triển các sản phẩm dịch vụ tài chính	50	- Phương thức 1: D01, A01, C04, X78, C03, X01, C00 - Phương thức 2 - Phương thức 3
12	7340301	Kế toán gồm 02 chuyên ngành: Kế toán doanh nghiệp; Kế toán số	100	- Phương thức 1: D01, A01, C04, X78, C03, X01, C00 - Phương thức 2 - Phương thức 3
13	7380101	Luật	100	- Phương thức 1: D01, A01, C04, X78, C03, X01, C00 - Phương thức 2 - Phương thức 3
14	7380107	Luật kinh tế	50	- Phương thức 1: D01, A01, C04, X78, C03, X01, C00 - Phương thức 2 - Phương thức 3
15	7480106	Kỹ thuật máy tính gồm 02 chuyên ngành: Hệ thống nhúng thông minh; AI và IoT ứng dụng	30	- Phương thức 1: D01, A01, C04, C03, X01, C01, A00 - Phương thức 2 - Phương thức 3
16	7480201	Công nghệ thông tin gồm 04 chuyên ngành: Công nghệ phần mềm và ứng dụng AI; Công nghệ truyền thông đa phương tiện; Công nghệ Game; Phát triển Web và ứng dụng AI	300	- Phương thức 1: D01, A01, C04, C03, X01, C01, A00 - Phương thức 2 - Phương thức 3

TT	Mã xét tuyển (Mã ngành)	Tên ngành (Tên chương trình) xét tuyển	Chỉ tiêu	Phương thức tuyển sinh (Mã tổ hợp môn)
17	7720802	Quản lý bệnh viện gồm 03 chuyên ngành: Quản lý chất lượng bệnh viện; Quản lý tài chính bệnh viện; Quản lý trang thiết bị y tế	60	- Phương thức 1: D01, A01, C04, X78, C03, X01, C00 - Phương thức 2 - Phương thức 3
18	7810103	Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành gồm 03 chuyên ngành: Quản trị lữ hành; Quản lý giải trí; Quản trị sự kiện	100	- Phương thức 1: D01, A01, C04, X78, C03, X01, C00, D14 - Phương thức 2 - Phương thức 3
19	7810201	Quản trị khách sạn gồm 02 chuyên ngành: Quản trị khách sạn; Quản trị Nhà hàng và dịch vụ ăn uống.	100	- Phương thức 1: D01, A01, C04, X78, C03, X01, C00, D14 - Phương thức 2 - Phương thức 3

5. Các thông tin cần thiết khác để thí sinh dự tuyển vào cơ sở đào tạo

a. Các điều kiện phụ sử dụng trong xét tuyển:

– Tại mức điểm trúng tuyển: nếu có nhiều thí sinh đủ điểm trúng tuyển hơn chỉ tiêu tuyển sinh, Trường ưu tiên cho theo thứ tự nguyện vọng thí sinh đăng ký vào Trường. Đối với thí sinh đăng ký ngành ngôn ngữ Anh: trình độ tiếng Anh đạt trình độ Bậc 3 của Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dành cho Việt Nam³

b. Điểm cộng:

STT	Đối tượng	Điểm cộng (tối đa)
1	Học sinh đạt giải trong kỳ thi chọn học sinh giỏi các môn văn hóa cấp Tỉnh/Thành phố	. Giải nhất: 3.0 điểm . Giải nhì: 2.5 điểm . Giải ba: 2.0 điểm . Giải khuyến khích: 1.5 điểm
2	Học sinh đạt giải trong Cuộc thi khoa học kỹ thuật cấp Tỉnh/Thành phố	. Giải nhất: 3.0 điểm . Giải nhì: 2.5 điểm . Giải ba: 2.0 điểm . Giải khuyến khích: 1.5 điểm
3	Thí sinh đoạt giải nhất, nhì, ba trong các kỳ thi tay nghề cấp quốc gia	. Giải nhất: 3.0 điểm . Giải nhì: 2.5 điểm . Giải ba: 2.0 điểm . Giải khuyến khích: 1.5 điểm
4	Học sinh đạt giải kỳ thi Olympic các môn văn hóa	2.0 điểm
5	Học sinh có học lực năm 12 xếp loại tốt	2.0 điểm
6	Học sinh đạt thành tích nổi bật khác (được các tổ chức xác nhận)	1.0 điểm

³ Thông tư 38/2018/TT-BGDĐT

Đối với thí sinh có nhiều thành tích nổi bật, điểm cộng là tổng điểm thành tích nổi bật của thí sinh có được và được tính điểm cộng tối đa 3.0 điểm. Thời gian đoạt giải không quá 3 năm tính tới thời điểm xét tuyển

c. Tiêu chí phân ngành, chương trình đào tạo (CSĐT tuyển sinh theo nhóm ngành): Không có

d. Các thông tin khác:

Điểm quy đổi môn ngoại ngữ: đối với môn ngoại ngữ, Trường sử dụng chứng chỉ ngoại ngữ để quy đổi môn ngoại ngữ tổ hợp xét tuyển. Điểm quy đổi sang thang điểm 10 được tính như sau: Thí sinh có chứng chỉ ngoại ngữ được xét miễn thi ngoại ngữ (kỳ thi tốt nghiệp THPT năm 2025) được quy đổi thành 10.0 điểm môn ngoại ngữ tương ứng trong tổ hợp để xét tuyển.

6. Tổ chức tuyển sinh: Thời gian dự kiến tuyển sinh các đợt trong năm, hình thức; các điều kiện xét tuyển, thi tuyển.

a) Xét tuyển chính thức đợt 1:

– Thí sinh mới đăng ký nguyện vọng trên Hệ thống tuyển sinh chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo

– Lệ phí xét tuyển: Theo quy định của đơn vị điều phối nhận lệ phí tuyển sinh

– Thời gian xét tuyển: Theo kế hoạch chung của Bộ Giáo dục và Đào tạo

b) Xét tuyển đợt bổ sung: sau khi có kết quả xét tuyển đợt 1, Trường Đại học Hùng Vương TP. Hồ Chí Minh sẽ thông báo tuyển bổ sung nếu chỉ tiêu tuyển sinh chưa hết.

– Lệ phí xét tuyển: MIỄN PHÍ

– Thí sinh đăng ký xét tuyển trên trang tuyensinh.dhvh.edu.vn hoặc trực tiếp tại Trường Đại học Hùng Vương TP. Hồ Chí Minh

– Chụp hình căn cước công dân; học bạ (trang điểm lớp 12) và giấy chứng nhận tốt nghiệp tạm thời (hoặc bằng tốt nghiệp THPT) nộp trên trang tuyển sinh của Trường

– Lệ phí xét tuyển: MIỄN PHÍ

– Thời gian xét tuyển bổ sung (dự kiến)

• Bổ sung đợt 1: Từ ngày 21/8/2025 đến hết ngày 30/8/2025

• Bổ sung đợt 2: Từ ngày 31/8/2025 đến hết ngày 05/9/2025

(Sau ngày 05/9/2025, căn cứ theo số lượng sinh viên nhập học, Trường sẽ thông báo xét tuyển bổ sung theo từng đợt, mỗi đợt thực hiện trong 1 tuần)

7. Chính sách ưu tiên: Xét tuyển thẳng; ưu tiên xét tuyển

Trường Đại học Hùng Vương TP. Hồ Chí Minh thực hiện xét tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo Điều 7, Quy chế Tuyển sinh đại học, tuyển sinh cao đẳng ngành Giáo dục Mầm non (Ban hành kèm theo Thông tư số 08/2022/TT-BGDĐT ngày 06 tháng 6 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo)

8. Lệ phí xét tuyển, thi tuyển

– Đợt 1: Theo quy định của đơn vị điều phối

– Xét tuyển kết quả kỳ thi đánh giá năng lực của ĐHQG – TP. HCM: Theo quy định của ĐHQG-HCM

9. Việc cơ sở đào tạo thực hiện các cam kết đối với thí sinh (Giải quyết khiếu nại, bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro, trách nhiệm giải quyết việc thí sinh được chuyển đến hoặc chuyển đi do sai sót trong tuyển sinh): Trường

cam kết bảo vệ quyền lợi chính đáng của thí sinh trong những trường hợp rủi ro (nếu có) theo quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo và của Trường.

10. Các nội dung khác (không trái quy định hiện hành)

a. Học phí dự kiến với sinh viên chính quy; lộ trình tăng học phí tối đa cho từng năm (nếu có). 1.100.000 đồng/01 tín chỉ không tăng trong 04 năm học.

b. Học bổng

- Học bổng "Hào khí Hùng Vương"
- Học bổng "Đôi bạn cùng tiến"
- Học bổng Tân sinh viên
- Học bổng "DHV tài năng"
- ...

Chi tiết xem tại website <https://dhv.edu.vn/news-event/news/thong-tin-hoc-bong-va-hinh-sach-hoc-bong-du-tuyen-som-tai-truong>



11. Thông tin về tuyển sinh của 2 năm gần nhất

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm 2023			Năm 2024			Ghi chú
						Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	
1.		Kỹ thuật máy tính	7480106	Kỹ thuật máy tính	Kết quả thi tốt nghiệp THPT				9	1	15.0	
					Kết quả học tập THPT				21	4	18.0	
2.		Công nghệ Thông tin	7480201	Công nghệ Thông tin	Kết quả thi tốt nghiệp THPT	220	43	15.0	84	40	15.0	
					Kết quả học tập THPT	210	115	15.0	210	74	18.0	
					Kết quả thi đánh giá năng lực ĐHQG-HCM	5	0	500	3	1		
					Kết quả học tập Trung cấp	5	6	5.0	3	5	18.0	
3.		Quản trị dịch vụ du	7810103	Quản trị dịch vụ du	Kết quả thi tốt nghiệp THPT	46	14	15.0	41	21	15.0	

[illegible]

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm 2023			Năm 2024			Ghi chú
						Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	
6.		Kinh tế quốc tế	7310106	Kinh tế quốc tế	Kết quả thi tốt nghiệp THPT				9	4	15.0	
					Kết quả học tập THPT				21	6	18.0	
7.		Tâm lý học	7310401	Tâm lý học	Kết quả thi tốt nghiệp THPT				12	3	15.0	
					Kết quả học tập THPT				32	19	18.0	
8.		Quản trị Kinh Doanh	7340101	Quản trị Kinh Doanh	Kết quả thi đánh giá năng lực ĐHQG-HCM				1			
					Kết quả thi tốt nghiệp THPT	175	22	15.0	56	15	15.0	
					Kết quả học tập THPT	171	59	15.0	140	50	18.0	
					Kết quả thi đánh giá năng lực ĐHQG-HCM	2	0	500	2			

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm 2023				Năm 2024			Ghi chú
						Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét		
9.		Tài chính – Ngân hàng	7340201	Tài chính – Ngân hàng	Kết quả học tập Trung cấp	2	1	5.0	2				
					Kết quả thi tốt nghiệp THPT	175	16	15.0	56	14	15.0		
					Kết quả học tập THPT	171	41	15.0	140	33	18.0		
					Kết quả thi đánh giá năng lực ĐHQG-HCM	2	0	500	2				
					Kết quả học tập Trung cấp	2		5.0	2				
10.		Marketing	7340115	Marketing	Kết quả thi tốt nghiệp THPT	138	21	15.0	43	24	Kết quả thi tốt nghiệp THPT		
					Kết quả học tập THPT	134	53	15.0	105	63	Kết quả học tập THPT		
					Kết quả thi đánh giá năng lực ĐHQG-HCM	4	0	500	2		Kết quả thi đánh giá năng lực		



TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm 2023			Năm 2024			Ghi chú
						Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	
											ĐHQG- HCM	
					Kết quả học tập Trung cấp	4		5.0			Kết quả học tập Trung cấp	
					Kết quả thi tốt nghệp THPT	49	7	15.0	29	3	15.0	
					Kết quả học tập THPT	47	22	15.0	70	12	18.0	
					Kết quả thi đánh giá năng lực ĐHQG-HCM	2	0	500	1			
					Kết quả học tập Trung cấp	2		5.0				
					Kết quả thi tốt nghệp THPT				14		15.0	
					Kết quả học tập THPT				35	9	18.0	
					Kết quả thi đánh				1			
11.		Thương mại điện tử	7340122	Thương mại điện tử								
12.		Công nghệ tài chính	7340205	Công nghệ tài chính								

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm 2023			Năm 2024			Ghi chú
						Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	
					giá năng lực ĐHQG-HCM							
					Kết quả thi tốt nghiệp THPT	118	9	15.0	29	16	15.0	
					Kết quả học tập THPT	112	27	15.0	70	23	18.0	
13.		Luật	7380101	Luật	Kết quả thi đánh giá năng lực ĐHQG-HCM	4	0	500	1			
					Kết quả học tập Trung cấp	4		5.0				
					Kết quả thi tốt nghiệp THPT				14	3	15.0	
14.		Luật kinh tế	7380107	Luật kinh tế	Kết quả học tập THPT				35	15	18.0	
					Kết quả thi đánh giá năng lực ĐHQG-HCM				1			
15.		Quản lý	7720802	Quản lý	Kết quả thi tốt nghiệp THPT	31	2	15.0	16	4	15.0	

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm 2023			Năm 2024			Ghi chú
						Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	
		bệnh viện		bệnh viện	ng nghiệp THPT							
					Kết quả học tập THPT	27	8	15.0	42	10	18.0	
					Kết quả thi đánh giá năng lực ĐHQG-HCM	2	0	500	1			
					Kết quả học tập Trung cấp	2	2	5.0	1			
					Kết quả thi tốt nghiep THPT	39	11	15.0	32	26	15.0	
16.		Ngôn ngữ Anh	7220201	Ngôn ngữ Anh	Kết quả học tập THPT	37	64	15.0	80	54	18.0	
					Kết quả thi đánh giá năng lực ĐHQG-HCM	2	0	500	1			
17.		Ngôn ngữ Nhật	7220209	Ngôn ngữ Nhật	Kết quả thi tốt nghiep THPT	19	2	15.0	13	3	15.0	
					Kết quả học tập THPT	17	15	15.0	35	10	18.0	

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm 2023				Năm 2024			Ghi chú
						Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét		
18.		Ngôn ngữ Trung Quốc	7220204	Ngôn ngữ Trung Quốc	Kết quả thi đánh giá năng lực ĐHQG-HCM	2	0	500	1				
					Kết quả học tập Trung cấp	2	1	5.0	1				
					Kết quả thi tốt nghiệp THPT	39	23	15.0	56	43	15.0		
					Kết quả học tập THPT	37	78	15.0	140	85	18.0		
					Kết quả thi đánh giá năng lực ĐHQG-HCM	2	0	500	2				
					Kết quả học tập Trung cấp	2		5.0	2				
19.		Ngôn ngữ Hàn Quốc	7220210	Ngôn ngữ Hàn Quốc	Kết quả thi tốt nghiệp THPT				12	1	15.0		
					Kết quả học tập THPT				32	12	18.0		

TT	Mã xét tuyển	Tên chương trình, ngành, nhóm ngành xét tuyển	Mã ngành, nhóm ngành	Tên ngành, nhóm ngành	Phương thức tuyển sinh	Năm 2023			Năm 2024			Ghi chú
						Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	Chỉ tiêu	Số nhập học	Điểm trúng tuyển/Thang điểm xét	
					Kết quả thi đánh giá năng lực ĐHQG-HCM				1			

Cán bộ tuyển sinh
(Ghi rõ họ tên, số điện thoại liên hệ, địa chỉ Email)

TP. Hồ Chí Minh, ngày 12. tháng 6. năm 2025
KT. HIỆU TRƯỞNG
PHÓ HIỆU TRƯỞNG PHỤ TRÁCH

(Signature)

Lê Duy Liêm
(SĐT: 0903154541; Email: liemld@dhu.edu.vn)



TS. Trần Việt Anh

